TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/12/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Hoàng Thị Hòa
  Bà Lường Thị Huyền
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Tòa án khu vực 4 - Thanh Hóa
- *Đại diện Viện kiểm sát ND khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:*
  Ông Nguyễn Văn Nhung, KSV

Ngày 11 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa(cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1999. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm Xuân Thịnh, xã Nghi Đức, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An(nay là xóm Xuân Thịnh, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Thương: Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1987; địa chỉ: Khối Yên Phú A, phường Thanh Vinh, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Duy Th, sinh năm 1997. Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: thôn M, xã Hoằng K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn M, xã Hoằng Ph, tỉnh Thanh Hóa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2025, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Th thể hiện:

Chị Phạm Thị Th và anh Bùi Duy Th tự nguyện kết hôn có tổ chức lễ cưới

theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 33 ngày 07/8/2018 tại UBND xã Hoằng K (nay là xã Hoằng Ph). Thời gian đầu kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống và sinh con, quan điểm và tính tình của chị Th và anh Th thay đổi và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2023, vợ chồng chị sống ly thân và không còn liên lạc với nhau cho đến nay. Đầu năm 2025, chị Th đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, khoảng cách địa lý xa xôi làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Duy Th.

Về con chung: Chị Phạm Thị Th và anh Bùi Duy Th có 02 (hai) con chung cháu tên là Bùi Nhã Uyên, sinh ngày 16/02/2019; Bùi Nhã Phương, sinh ngày 27/7/2021. Ly hôn, nếu anh Th có nguyện vọng nuôi hai cháu thì tôi đồng ý giao hai cháu cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng, 02 cháu 4.000.000 đồng. Về tài sản và công nợ: Chị Phạm Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2025 bị đơn anh Bùi Duy Th thể hiện:

Anh Bùi Duy Th và chị Phạm Thị Th tự nguyện kết hôn năm 2018 được UBND xã Hoằng K (nay là xã Hoằng Ph), tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chúng tôi sống với nhau bình thường đến năm 2023 chị Th bỏ nhà đi cho đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn quan điểm của anh Th đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung: Chị Phạm Thị Th và anh Bùi Duy Th vó 02 (hai) con chung cháu họ tên là: Bùi nhã Uyên, sinh ngày 19/02/2019; Bùi Nhã Phương, sinh ngày 27/7/2021. Hiện nay các cháu đang ở với anh Th. Nay ly hôn anh Th có nguyện vọng được nuôi 02 con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh Bùi Duy Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn chị Phạm Thị Th, bị đơn anh Bùi Duy Th đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71,72 của BLTTDS.

Đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết những nội dung sau:

Về hôn nhân: Xét thấy, tình cảm vợ chồng (chị Th, anh Th) không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 BLTTDS. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Bùi Duy Th.

Về con chung: Căn cứ điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014 đề nghị: Giao cháu Bùi Nhã Uyên, sinh ngày 16/02/2019 và cháu Bùi Nhã Phương, sinh ngày 27/7/2021, hiện nay 02 cháu đang ở với anh Th, cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu, chị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôn con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp, công nhận chị Th đã nộp đủ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Th khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Duy Th và xin được nuôi con chung. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định chị Phạm Thị Th là nguyên đơn, anh Bùi Duy Th là bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Duy Th có địa chỉ tại xã Hoằng Ph, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 mục 2 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị Th khởi kiện xin ly anh Bùi Duy Th và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, chính quyền địa phương xã Hoằng Ph xác nhận: Chị Phạm Thị Th và anh Bùi Duy Th tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoằng K (nay là xã Hoằng Ph), tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2018, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân, mâu thuẫn địa phương không nắm bắt được. Vợ chồng anh chị có 02 (hai) con chung cháu tên là Bùi

Nhã Uyên, sinh ngày 16/02/2019; Bùi Nhã Phương, sinh ngày 27/7/2021.

Tại phiên tòa ngày 11/12/2025, nguyên đơn chị Phạm Thị Th, bị đơn anh Bùi Duy Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Bùi Duy Th kết hôn với nhau năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoằng K(nay là xã Hoằng Ph), tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Chị Th có nguyện vọng xin được ly hôn anh Th. Anh Th đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX xét thấy tình cảm của anh, chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Th và anh Bùi Duy Th.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Th và anh Bùi Duy Th có 02(hai) con chung cháu tên là Bùi Nhã Uyên, sinh ngày 16/02/2019; Bùi Nhã Phương, sinh ngày 27/7/2021.

Xét yêu cầu nuôi con của anh Bùi Duy Th: Xét thấy, yêu cầu nuôi con của anh Th là phù hợp vì từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Bùi Nhã Uyên, Bùi Nhã Phương ở cùng với anh Th, anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đảm bảo. Chị Th đồng ý giao các con cho anh Th nuôi. Nên tiếp tục giao cháu Bùi Nhã Uyên và cháu Bùi Nhã Phương cho anh Th nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do anh Th là người trực tiếp nuôi hai cháu, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không giải quyết.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị Phạm Thị Th và anh Bùi Duy Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 mục 2 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật

sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Bùi Duy Th.

Về con chung: Công nhận cháu Bùi Nhã Uyên, sinh ngày 16/02/2019; Bùi Nhã Phương, sinh ngày 27/7/2021 là con chung của chị Phạm Thị Th và anh Bùi Duy Th.

Giao cháu Bùi Nhã Uyên và cháu Bùi Nhã Phương cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật.

Chị Phạm Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Anh Th và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Nếu chị Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Th.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001715 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị Th đã nộp đủ số tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Th, bị đơn anh Bùi Duy Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND KV4 - Thanh Hóa;*
- *THADS tỉnh T.Hóa;*
- *UBND xã H. Ph;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Phương